TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **07**/2019/QĐST-DS	*Ba Đình, ngày 01 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điểm đ, Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc "Tranh chấp đòi nhà cho ở nhờ".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019.

[2] Các đương sự đã thỏa thuận và xác nhận toàn bộ nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210073, diện tích 75m^2, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ số 105, tổ 15, cụm 3 phường N, nay là số 143 ngõ 158 phố N, quận B, thành phố Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 02 năm 2000 là thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần M và bà Bùi Thị S.

Ông M và bà S thanh toán cho ông Đ và bà D số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng để gia đình ông Đồng di chuyển khỏi căn nhà tại địa chỉ số 46b ngõ 55, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Ông M và bà S toàn quyền sử dụng nhà đất nêu trên, khi ông Đ và bà D nhận đủ số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23 tháng 9 năm 2019, ông Mai đã thanh toán trực tiếp cho ông Đồng số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

[3] Nội dung các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành là tự nguyện; thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần M**, sinh năm 1942 và vợ là bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1943. Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 143, ngõ 158 phố N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Bà Bùi Thị S ủy quyền cho ông Trần M theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2016.

* Bị đơn: Ông **Trần Đình Đ**, sinh năm 1947 và vợ là bà **Vũ Phạm Phương D**, sinh năm 1955. Cùng hộ khẩu thường trú: số 46b ngõ 55, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Bà Vũ Phạm Phương D ủy quyền cho ông Trần Đình Đ theo văn bản ủy quyền ngày 09/8/2016.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Trần Thị Thu H**, cháu **Mai Huyền M**, cháu **Mai Huyền A**, anh **Trần Quang H**, cháu **Trần Quang A** có đại diện theo pháp luật là anh Trần Quang H**.** Tất cả cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: số 143 ngõ 158 phố N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Tất cả đều ủy quyền cho ông Trần M theo văn bản ủy quyền ngày 19/9/2016.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Toàn bộ nhà đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101210073, diện tích 75m^2, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ số 105, tổ 15, cụm 3 phường N, nay là số 143 ngõ 158 phố N, quận B, thành phố Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 02 năm 2000 là thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ông Trần M và bà Bùi Thị S.

Ông M và bà S thanh toán cho ông Đ và bà D số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng để gia đình ông Đ và bà D di chuyển khỏi căn nhà tại địa chỉ số 46b ngõ 55, đường H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Ông M và bà S toàn quyền sử dụng nhà đất nêu trên, khi ông Đ và bà D nhận đủ số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng.

Ông M và bà S thanh toán số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng cho ông Đ và bà D vào hai lần:

- Lần thứ nhất: Thanh toán số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng vào ngày 30 tháng 12 năm 2019.

- Lần thứ hai: Thanh toán số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng còn lại vào ngày 20 tháng 3 năm 2020.

3. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần M được hoàn trả 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: **8332** ngày 01 tháng 7 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long